TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 71/2023/DS-ST
Ngày 17 - 8 - 2023
V/v *"Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Diện**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Công Lương** và ông **Phạm Xoa**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kiều Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 17.8.2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 117/2023/TLST-DS ngày 18.4.2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2023/QĐXXST-DS ngày 04.7.2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2023/QĐST-DS ngày 20.7.2023, giữa:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**. Trụ sở: đường N, phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn N - Sinh năm 1983. Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ - Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Đà Nẵng. Địa chỉ: đường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (Quyết định ủy quyền số: 3270/2022/QĐ-PL ngày 26.12.2022 và Giấy ủy quyền số: 132/2023/UQ-CNĐN ngày 30.3.2023), có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Bùi Ngọc Q** - Sinh năm 1977. Địa chỉ: 91/01 Đường B, phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30.3.2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngày 14.4.2017, ông Bùi Ngọc Q có ký với Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Bùi Ngọc Q, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng có hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất tại thời điểm phát hành thẻ là 2.5%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Sau khi được cấp

thẻ tín dụng, ông Bùi Ngọc Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 208.883.640 đồng; đã thanh toán được số tiền gốc là 186.848.668 đồng, phí trễ hạn là 1.760.000 đồng, phí vượt hạn mức là 450.000 đồng, phí khác là 1.237.500 đồng và lãi là 21.482.832 đồng nhưng sau đó không trả nữa. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Bùi Ngọc Q vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Bùi Ngọc Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01.01.2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Sau đó ông Bùi Ngọc Q có thanh toán tiếp được 2.000.000 đồng. Tính đến ngày 17.8.2023, ông Bùi Ngọc Q còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 37.125.029 đồng (trong đó nợ gốc 20.759.745 đồng; lãi quá hạn 16.365.284 đồng). Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Ngọc Q phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ như đã nêu trên và phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 18.8.2023 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng.

Ông Bùi Ngọc Q đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng ông Bùi Ngọc Q không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S và cũng không đến Tòa án để giải quyết vụ việc.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Bùi Ngọc Q đã được triệu tập để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Bùi Ngọc Q thanh toán nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Ông Bùi Ngọc Q có nơi cư trú tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Bùi Ngọc Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về việc xác lập hợp đồng: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng) mà ông Bùi Ngọc Q ký với Ngân hàng TMCP S ngày 14.4.2017 thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự theo quy định tại các Điều 117, 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và phù hợp với quy định của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 nên có hiệu lực pháp luật đối với các bên tham gia ký kết.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán: Mặc dù ông Bùi Ngọc Q vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng TMCP S cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà ông Bùi Ngọc Q ký với Ngân hàng có mục đích tiêu dùng với hạn mức 20.000.000 đồng; lãi suất 2,5%/tháng và được điều chỉnh theo thông báo của bên phát hành thẻ; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; thời hạn thanh toán, số tiền thanh toán được thực hiện theo Thông báo hàng tháng của Ngân hàng.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Bùi Ngọc Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 208.883.640 đồng; đã thanh toán được các khoản phí là 3.447.500 đồng, tiền lãi là 21.482.832 đồng và tiền gốc là 186.848.668 đồng. Do ông Bùi Ngọc Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, kể từ ngày 01.01.2022 là đúng với quy định tại Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng. Tính đến ngày 17.8.2023, ông Bùi Ngọc Q còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền là 37.125.029 đồng (trong đó nợ gốc 20.759.745 đồng; lãi quá hạn 16.365.284 đồng).

Căn cứ vào thỏa thuận của các bên tại Điều 18 và 19 của Điều khoản, điều kiện sử dụng thẻ tín dụng thì ông Bùi Ngọc Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Việc Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Bùi Ngọc Q phải thanh toán nợ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015 cần được chấp nhận. Do đó, buộc ông Bùi Ngọc Q phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày 17.8.2023 là 37.125.029 đồng và phải tiếp tục trả tiền lãi, kể từ ngày 18.8.2023 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 14.4.2017.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP S được chấp nhận nên ông Bùi Ngọc Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266, 269 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Bùi Ngọc Q.

Xử:

1. Buộc ông Bùi Ngọc Q phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày 17.8.2023 là 37.125.029 đồng (trong đó nợ gốc 20.759.745 đồng; lãi quá hạn 16.365.284 đồng).

Kể từ ngày 18.8.2023, ông Bùi Ngọc Q còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 14.4.2017 cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông Bùi Ngọc Q phải chịu là 1.856.251 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 834.342 đồng theo Biên lai thu số: 7365 ngày 17.4.2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Văn Diện